

## Công việc gia đình và địa vị của người phụ nữ

**Vũ Thị Cúc**

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Nguyễn Hồng Linh**

Khoa Công tác xã hội, Đại học Lao động Xã hội

**Tóm tắt:** Dựa trên nguồn tài liệu sẵn có bài viết xem xét mối quan hệ giữa công việc gia đình và địa vị của người phụ nữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy với vai trò là lực lượng đảm nhiệm chính công việc gia đình nên hệ quả từ gánh nặng công việc này khiến phụ nữ có ít thời gian dành cho việc nghỉ ngơi, giải trí và chăm sóc sức khỏe bản thân, ít điều kiện học tập, giảm cơ hội tham gia thị trường lao động, nhất là cơ hội tham gia hoạt động chính trị xã hội. Cùng với đó, đóng góp của phụ nữ qua công việc gia đình chỉ được ghi nhận ở khía cạnh tình cảm nhiều hơn so với giá trị kinh tế của công việc này đem lại cho hộ gia đình, điều này góp phần làm giảm địa vị kinh tế của phụ nữ. Trong khi giá trị kinh tế của công việc lao động gia đình đã được các nghiên cứu ghi nhận.

**Từ khóa:** Phụ nữ; Gia đình; Phân công lao động gia đình; Công việc gia đình; Địa vị của phụ nữ; Phụ nữ và công việc gia đình

### Đặt vấn đề

Trong những năm trở lại đây, cùng những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam cũng đạt được những kết quả tương đối tốt về bình đẳng giới, xét theo một số chỉ báo quan trọng (Ngân hàng Thế

giới, 2011). Mức độ cải thiện về các cơ hội việc làm và giáo dục cho phụ nữ đã được ghi nhận, địa vị kinh tế - xã hội của người phụ nữ vì thế cũng đang tăng lên (Hachiro Iwai, 2014).

Tuy nhiên ở Việt Nam các mục tiêu về bình đẳng giới vẫn còn nhiều vấn đề cần quan tâm khi mà trách nhiệm chăm sóc con cái vẫn thuộc về phụ nữ và sự chia sẻ của người chồng trong công việc gia đình vẫn chưa được cải thiện đáng kể (Vũ Tuấn Huy, Deborah S.Carr, 2000; Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh, 2008). Phụ nữ là người làm chính hầu hết các công việc gia đình và những đóng góp của họ qua các công việc gia đình, có thể nói đã mang lại những giá trị không nhỏ cả về tinh thần lẫn vật chất, song tầm quan trọng của công việc nuôi dưỡng và tái sản xuất sức lao động cho các thành viên trong gia đình mà người phụ nữ đang thực hiện lại không được gia đình và xã hội đánh giá một cách đúng mức.

Từ góc độ nghiên cứu, trong khi mối quan tâm của nhiều nghiên cứu là về sự biến đổi mô hình phân công lao động theo giới thì còn thiếu vắng những nghiên cứu xem xét hệ quả từ gánh nặng công việc gia đình đến người phụ nữ, cũng như tính toán các giá trị kinh tế của công việc gia đình, vốn là công việc không được trả công, không nằm trong hoạt động kinh tế. Trong khi đây là một hoạt động rất quan trọng để đảm bảo cuộc sống đầy đủ về thể chất và tinh thần cho mọi thành viên trong gia đình.

Dựa trên nguồn tài liệu sẵn có, bài viết xem xét một số hệ quả từ gánh nặng công việc gia đình đến người phụ nữ và mối liên hệ giữa công việc gia đình với địa vị kinh tế - xã hội của họ nhằm giúp cho việc nhận diện các đóng góp của phụ nữ thông qua công việc gia đình được đầy đủ hơn, cả về giá trị tình cảm cũng như giá trị kinh tế, góp phần nâng cao thái độ và nhận thức của cộng đồng xã hội đối với vai trò và địa vị của phụ nữ<sup>(1)</sup>.

### **1. Công việc gia đình và hệ quả của gánh nặng công việc gia đình đối với phụ nữ**

Trong xã hội Việt Nam, các công việc gia đình như nội trợ và chăm sóc thành viên gia đình đều do phụ nữ là người làm chính, trong khi sự chia sẻ của nam giới và các thành viên khác trong các hoạt động nội trợ và chăm sóc các thành viên gia đình là không đáng kể (Đặng Thị Việt Phương, 2006, Trần Quý Long, 2008; Ngô Thị Tuấn Dung, 2009; Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, 2008; Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, 2013).

Vai trò người đảm nhiệm chính các công việc gia đình của phụ nữ Việt Nam rất phổ biến và không có khác biệt theo vùng miền, theo khu vực sống là đô thị hay nông thôn hay thuộc nhóm kinh tế - xã hội khác nhau.

Phụ nữ ở cả hai miền, miền Bắc và ở miền Nam, đều là người là người đảm nhiệm chủ yếu công việc gia đình (Teerawichitchaian và cộng sự, 2008; Đỗ Thị Bình, 2004). So với phụ nữ Kinh, mức độ tham gia công việc gia đình của phụ nữ dân tộc thiểu số còn nặng nề hơn do những hạn chế về điều kiện kinh tế xã hội và tập quán (Lê Thị Mộng Phượng, Đặng Ngọc Quang, 2003; Phạm Văn Hóa, 2014). Thậm chí, nhóm phụ nữ trí thức, mặc dù được coi là nhóm phụ nữ có vị trí cao trong giới nữ, nhưng họ cũng có vị thế khá khiêm tốn trong gia đình. Trong gia đình trí thức có tỷ lệ người vợ làm nội trợ thấp nhất nhưng vẫn theo xu hướng vợ làm nhiều hơn chồng (Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng, 2000). Các gia đình có mức sống khá với sự hỗ trợ của tiện nghi sinh hoạt khiến công việc nội trợ của phụ nữ giảm tiện hơn, lời cuốn sự tham gia của người chồng và thành viên khác nhưng phụ nữ vẫn là người đảm nhiệm công việc gia đình nhiều hơn (Trần Quý Long, 2008; Phùng Thị Kim Anh, 2011).

Thực tế đó cho thấy để hoàn thành vai trò người đảm nhiệm chính công việc gia đình, phụ nữ Việt Nam dù ở đô thị và nông thôn hay ở nhóm các kinh tế - xã hội khác nhau đang phải chịu áp lực lớn về mặt thời gian nhiều hơn nam giới, chính điều đó làm giảm cơ hội nghỉ ngơi giải trí, chăm sóc sức khỏe bản thân cũng như hạn chế điều kiện để phụ nữ học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp chuyên môn; tham gia thị trường lao động có thu nhập và đặc biệt là cơ hội tham gia hoạt động chính trị xã hội. Xem xét cơ cấu sử dụng quỹ thời gian vợ và chồng trong gia đình nông thôn và đô thị ở 5 nhóm hoạt động chính như ngủ, công việc cá nhân, công việc gia đình, công việc kiếm thu nhập và giải trí cho thấy sự chênh lệch khá rõ nét về thời gian giữa vợ và chồng trong các hoạt động. Người chồng ở cả nông thôn và đô thị, cả ở ngày thường và ngày nghỉ đều có thời gian ngủ, làm công việc cá nhân và giải trí cao hơn người vợ. Ngược lại, nhóm người vợ lại dành thời gian nhiều hơn đáng kể so người chồng cho công việc gia đình (Trần Thị Minh Giang, 2012).

Như vậy, nếu làm một phép tính đơn giản cũng sẽ thấy quỹ thời gian dành cho nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe của phụ nữ rất ít. Do phải làm việc quá nhiều giờ trong ngày nên phụ nữ phải gánh chịu nhiều hậu quả sức khỏe, nhất là phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Họ không có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể xã hội, không tham gia các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, lớp xoá mù, nâng cao học vấn (Đỗ Thị Bình, 2001; Phạm Văn Hóa, 2014).

Một hệ quả khác từ áp lực thời gian đảm nhiệm công việc nhà ảnh hưởng tới cơ hội tham gia thị trường lao động được trả lương của phụ nữ. Một trong những công việc đó là việc chăm sóc trẻ em. Chăm sóc trẻ em

là một trong số công việc gia đình được tính là việc không được trả lương, nhưng với tính chất cần được thực hiện trong khoảng thời gian nhất định, ở những nơi cụ thể và khó người thay thế, đặc điểm đó đã hạn chế sự lựa chọn linh hoạt của phụ nữ để có thể tham gia các hoạt động tạo ra thu nhập (Ngân hàng Thế giới, 2011). Khi những công việc gia đình chủ yếu do phụ nữ làm như vậy, thì rõ ràng phụ nữ ít cơ hội tham gia thị trường lao động hơn hoặc có tham gia thì cũng bị hạn chế hơn, vì thế đồng nghĩa với việc thu nhập sẽ thấp hơn so với lao động nam. Điều đó làm gia tăng sự nghèo khó của phụ nữ và khiến họ thiếu quyền lực kinh tế so với nam giới.

Ngoài ra, công việc gia đình không chỉ là rào cản phụ nữ có mong muốn tham gia hoạt động chính trị xã hội mà nó là gánh nặng kép đối với phụ nữ đang tham gia công tác trong hệ thống chính trị các cấp và tham gia lãnh đạo quản lý (UNDP, 2012; Lê Thị Thục, 2013). Gánh nặng công việc gia đình chính là nguyên nhân để người phụ nữ tự loại mình ra khỏi lĩnh vực lãnh đạo chính quyền (Lê Thị Quý, 2001). Phụ nữ tham gia hệ thống chính trị cơ sở lại càng gặp nhiều khó khăn hơn. Để hoàn thành công việc đoàn thể, nữ cán bộ cơ sở ở nông thôn phải thu xếp tốt công việc gia đình và phải nhận được sự chia sẻ nhiều hơn từ người bạn đời và gia đình, và đó là sự khác biệt so với phụ nữ nông thôn thuần nông khác. Nữ cán bộ cơ sở ở nông thôn, so với các nam đồng nghiệp, gặp nhiều trở ngại hơn trong việc phân phối quỹ thời gian để hoàn thành công việc gia đình và xã hội, nam cán bộ cơ sở ít bị áp lực về công việc gia đình, họ có thể phải gánh vác một số công việc đồng áng nặng nhọc, nhưng lại nhận được sự hỗ trợ rất lớn của người vợ trong việc nội trợ và chăm sóc con cái (Nguyễn Thị Thúy, Bùi Phương Hoa, 2013). Và vì vậy, ở Việt Nam phụ nữ muốn tham gia vào hoạt động chính trị hoặc đời sống công cộng, họ phải tìm cách cân đối các trách nhiệm gia đình với các nghĩa vụ chuyên môn và chính trị. Mức độ mà phụ nữ có thể theo đuổi các vị trí lãnh đạo sẽ phụ thuộc chính vào việc có một gia đình ủng hộ (Ngân hàng Thế giới, 2011).

## **2. Giá trị công việc gia đình và địa vị kinh tế - xã hội của phụ nữ**

### ***Địa vị kinh tế - xã hội của phụ nữ qua công việc gia đình***

Công việc gia đình bao gồm nhiều các loại hình công việc khác nhau. Trong số đó công việc nội trợ và chăm sóc gia đình có vai trò quan trọng trong việc phát triển con người - nguồn nhân lực của một quốc gia. Phân công người Việt Nam vẫn coi công việc gia đình gắn với vai trò và trách nhiệm của phụ nữ, việc nhà không phải là công việc phù hợp với nam giới. Cũng như thái độ đối với giá trị công việc gia đình vẫn được coi là công việc không có giá trị tiền mặt và là công việc không tên, mất thời gian.

Tuy nhiên, nếu không có hoạt động chăm sóc gia đình, trẻ em sẽ không thể phát triển về trí tuệ cũng như thể lực và người lớn sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì và phát triển các năng lực của họ. Vì vậy, tất cả mọi người đều cần sự chăm sóc, kể cả người khoẻ mạnh và người lớn, nếu xét theo nghĩa chăm sóc gia đình là một lĩnh vực tình cảm. Hoạt động chăm sóc, do đó, không chỉ cung cấp đầu vào của sự phát triển con người mà còn tạo ra một năng lực tinh thần to lớn cho cuộc sống con người (Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, 2000:87).

Mặc dù có một tầm quan trọng như vậy, nhưng thực tế công việc gia đình diễn ra ở Việt Nam lại không cho thấy mối quan hệ thuận chiều giữa địa vị kinh tế - xã hội của người phụ nữ với đóng góp làm công việc nhà; có nghĩa là dù phụ nữ có vai trò đảm nhiệm chính công việc gia đình nhưng công sức của họ lại chưa được ghi nhận đầy đủ ở khía cạnh tạo ra của cải vật chất, chính vì vậy địa vị kinh tế của người phụ nữ làm công việc nhà ít được thừa nhận trong gia đình và cộng đồng, đặc biệt là đối nhóm phụ nữ chỉ đơn thuần làm công việc nội trợ mà không tham gia thị trường lao động.

Thái độ xã hội nhìn chung đều coi công việc gia đình là việc làm hiển nhiên thuộc về phụ nữ và ít nhìn nhận công việc này có giá trị kinh tế, trong khi thái độ phổ biến của người dân về giá trị lao động gia đình chủ yếu là ở khía cạnh tâm lý tình cảm. Nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu Phụ nữ về giá trị lao động gia đình cho thấy, đa phần người dân đều cho rằng giá trị lao động gia đình là để ổn định tâm lý, tình cảm (80,9%), tiếp đến giá trị giáo dục phát triển con người (68,6%), chỉ có hơn một nửa cho rằng giá trị lao động gia đình góp phần làm ra của cải vật chất (57,6%) và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (54,6%) (Trung tâm nghiên cứu phụ nữ, 2006). Điều này cho thấy, công việc nội trợ của gia đình là lĩnh vực bất bình đẳng nhất, trong khi lao động nội trợ của chị em không được lượng giá, quy đổi ra tiền. Người chồng thường chỉ nghĩ đến thu nhập của bản thân, chứ không nhìn thấy những đóng góp thầm lặng của phụ nữ (Nguyễn Thị Thanh Tâm, 1999). Nguyên nhân chủ yếu chính là do sự phân công lao động theo giới truyền thống dẫn đến sự khác nhau về bản chất và giá trị trong công việc của phụ nữ và nam giới (Lê Ngọc Văn, 1999).

#### ***Lượng hóa giá trị kinh tế công việc gia đình và nâng cao địa vị kinh tế xã hội của phụ nữ***

Công việc gia đình là công việc khó định lượng cụ thể đi cùng với đó là thái độ luôn xem nó là loại việc không được trả công do vậy ít nhận được sự trọng vọng, nhưng nếu phân tích các loại công việc trong sự liên kết các hoạt động, nhiệm vụ và trách nhiệm khác nhau của nam giới và nữ

có thể thấy các công việc này không thuần túy là công việc không mang lại giá trị kinh tế cho gia đình. Chẳng hạn việc chăm sóc con cái và dạy dỗ con là công việc tái sản xuất do phụ nữ là người đảm nhiệm nhiệm vụ chính, việc này sẽ không tiêu tốn tiền bạc nếu như người mẹ tự làm công việc đó; hoặc tham gia công việc cộng đồng là việc tái sản xuất không được trả lương nhưng sự tham gia vào loại việc này dù không đem lại nguồn lợi bằng tiền mặt nhưng tạo ra nguồn vốn xã hội cho người phụ nữ (Nguyễn Kim Hà, 1997).

Từ thực tế đó mà một số nhà nghiên cứu về phụ nữ, giới và gia đình ở Việt Nam đã cho rằng công việc gia đình cần được lượng hóa, giá trị kinh tế của nó cần được tính toán như những công việc được trả công, nhất là khi nghề giúp việc gia đình ở Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt ở khu vực thành thị. Sự gia tăng dịch vụ giúp việc gia đình đã cho thấy một thực tế là cần có sự quan tâm và đánh giá đến vấn đề công việc gia đình từ cộng đồng và xã hội. “Sự xuất hiện của những phụ nữ làm thuê khiến cho các thành viên gia chủ thấy rõ không thể đánh giá thấp hoặc coi nhẹ vai trò kinh tế và ý nghĩa việc nhà mà người mẹ người vợ vẫn làm” (Mai Huy Bích, 2004:4-5). Như vậy “Khi mà các hoạt động thực hiện công việc gia đình đều không được xã hội tính công hoặc trả công thì hiện tượng trẻ em gái, phụ nữ lớn tuổi làm thuê giúp việc gia đình ở thành thị cho thấy sự cần thiết phải quan tâm đến vấn đề lao động gia đình và nghề nội trợ” (Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng 2000:34).

Vậy ở Việt Nam, công việc gia đình có thể ước lượng và đánh giá thành các giá trị kinh tế không và bằng cách nào, đặc biệt ở khu vực nông thôn công việc gia đình càng khó ước lượng chính xác thời gian dành cho nó. Việc phân loại và ước lượng các công việc gia đình trong hộ gia đình nông thôn cũng chỉ mang tính tương đối do sự đa dạng trong từng loại công việc và tính chất tính chất đan xen các loại công việc trong gia đình trong cùng thời gian (Nguyễn Kim Hà, 1997).

Cho đến nay các đóng góp kinh tế của phụ nữ qua công việc nhà đối với gia đình cũng như đóng góp vào kinh tế quốc gia đã được một số nghiên cứu tính toán bằng cách áp dụng hai phương pháp tính giá trị công việc nhà phổ biến là chi phí cơ hội (dựa theo thu nhập) và giá cả thị trường thay thế (chi phí thuê quản gia hay người giúp việc gia đình). Đây là phương pháp chuyển đổi các thước đo thời gian thành các thước đo tiền tệ bằng cách gán một công lao động theo giờ cho thời gian được sử dụng, và cũng có các cách tiếp cận khác nhau để tìm con số tiền công đúng nhất để dùng trong việc tính toán, ví dụ một người sẽ phải trả bao nhiêu tiền nếu bắt buộc phải thuê người làm công việc gia đình đó (Viện nghiên cứu Phát

triển xã hội 2007; Trung tâm nghiên cứu Phụ nữ, 2006).

Các kết quả tính toán bước đầu về giá trị kinh tế từ công việc gia đình do phụ nữ ở cả nông thôn và thành thị đảm nhiệm đối với kinh tế hộ gia đình cũng như đóng góp vào kinh tế quốc gia đã được xác nhận. Ví dụ nghiên cứu của Nguyễn Kim Hà (1997) về lượng giá công việc nội trợ của người phụ nữ nông thôn đã được tiến hành trên 400 hộ gia đình ở một xã của Hà Tây và một xã ở ngoại thành Hà Nội. Trên cơ sở phân loại và công việc do vợ và chồng đảm nhiệm, với giả định rằng công việc nội trợ của phụ nữ nông thôn có thể tính tương đương theo giá trị của từng phần công việc đó và việc nội trợ của phụ nữ nông thôn có thể được tính bằng giá trị tiền mặt cho thấy, thu nhập bằng tiền của họ sẽ bằng hoặc cao hơn người chồng. Ngoài ra những công việc gia đình do vợ làm chính đã giúp người chồng yên tâm khi đi làm ăn xa, vì vậy những công việc nội trợ của người phụ nữ nông thôn cũng mang lại giá trị kinh tế gián tiếp.

Cụ thể hơn, nghiên cứu của Viện nghiên cứu Phát triển xã hội (2007) đã xác định cụ thể mức độ đóng góp kinh tế từ công việc nhà của phụ nữ ở thành thị và nông thôn. Mức đóng góp của kinh tế từ công việc nhà của phụ nữ hoàn toàn không nhỏ, với mức tiền dao động trong khoảng từ 59 ngàn đồng đến hơn 4,35 triệu đồng/tháng (bằng 0,1 đến hơn 10 lần thu nhập bình quân đầu người năm 2004 của Hà Tây). Mặc dù mức độ đóng góp kinh tế của người phụ nữ qua công việc nhà ở nghiên cứu này chỉ phản ánh cho một nhóm gia đình mang đặc trưng nhất định (gia đình có đầy đủ vợ chồng, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, có ít nhất 1 con) nhưng nó đã cho thấy phụ nữ là người có đóng góp lớn cho gia đình, không chỉ về mặt tinh thần mà cả về mặt kinh tế.

Cũng áp dụng phương pháp tính toán nêu trên, nghiên cứu về “Vai trò giới và lượng hóa giá trị lao động gia đình” do của Trung tâm nghiên cứu Phụ nữ cũng cho thấy giá trị kinh tế của công việc gia đình do người phụ nữ đảm nhiệm. Giá trị tiền công của công việc gia đình dao động ở các mức khác nhau với từng loại hình gia đình theo nghề nghiệp. Ở 4 loại hình gia đình như: vợ chồng đều là trí thức, đều là kinh doanh dịch vụ; làm nghề tiểu thương, tự do và gia đình vợ chồng là công nhân, giá trị tiền của công việc nhà sẽ mức thấp nhất là bảy trăm ngàn đồng và cao nhất chín trăm ngàn đồng. Cũng theo phương pháp này thì 3 loại gia đình khác là: gia đình kết hợp nông nghiệp, cán bộ; gia đình nông nghiệp và nghề khác có giá trị tiền công từ công việc gia đình khoảng từ bảy đến tám trăm ngàn đồng; đối với hộ gia đình thuần nông sẽ có giá trị tiền là khoảng hơn bốn trăm ngàn đồng (Trung tâm nghiên cứu phụ nữ, 2006). Các phân tích ở trên thừa nhận công việc gia đình mang lại giá trị về mặt kinh tế cho hộ

gia đình, vậy nên công việc gia đình cần phải được nhìn nhận như một công việc được trả công và nằm trong hoạt động kinh tế.

Cho đến nay, công việc gia đình cũng chưa được coi hoạt động kinh tế. Chính việc chưa lượng giá, lượng giá không đầy đủ được giá trị công việc nội trợ mang lại cho gia đình và xã hội, vì vậy mà thái độ xã hội đối với giá trị của công việc gia đình còn hạn chế, khó có cơ sở cho những người làm chính sách thu hút hỗ trợ từ nam giới và xã hội nói chung (Ngô Thị Tuấn Dung, 2009). Khi công việc gia đình được xem xét như chỉ báo của hoạt động kinh tế thì nó không chỉ nâng cao địa vị kinh tế xã hội của người phụ nữ trong gia đình mà còn ở ngoài xã hội, bởi xét về mặt vĩ mô, nếu giá trị mặt kinh tế của công việc gia đình được định lượng sẽ góp phần mang lại sự thay đổi quan trọng về giá trị của việc làm và thu nhập trong thị trường lao động của nam và nữ.

Nếu công việc gia đình được nhận thức như một nhu cầu cần được ưu tiên của con người thì những đóng góp của phụ nữ thông qua công việc gia đình sẽ làm tăng địa vị kinh tế xã hội của họ trong gia đình và ngoài xã hội; đồng thời họ cũng sẽ nhận được sự chia sẻ nhiều hơn từ thành viên khác trong gia đình, đặc biệt là từ người chồng; người phụ nữ không chỉ có thời gian dành bản thân mà quan trọng nhất là họ cơ hội tham gia vào thị trường lao động. Đây yếu tố quan trọng giúp phụ nữ không chỉ giảm bớt công việc nhà mà còn giảm sự lệ thuộc của họ vào nam giới (Lê Ngọc Văn 2006).

### **Một vài nhận xét**

Cho đến nay ở Việt Nam, phụ nữ vẫn là người đảm nhận chính hầu hết các công việc gia đình, đặc biệt là việc nội trợ và chăm sóc con cái, cho dù mức độ thực hiện có khác nhau tùy thuộc vào các đặc trưng xã hội của từng gia đình. Gánh nặng công việc gia đình đã khiến cho phụ nữ phải chịu áp lực rất lớn về thời gian, điều đó làm giảm cơ hội nghỉ ngơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, đồng thời khó có điều kiện nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp cũng như tham gia vào thị trường lao động, đặc biệt nó cản bước phụ nữ tham gia hoạt động trong hệ thống chính trị xã hội.

Trong khi công việc gia đình có một tầm quan trọng đối với sự phát triển của con người được thừa nhận ở một số nơi trên thế giới thì phần đông người Việt Nam vẫn coi công việc này gắn với vai trò và trách nhiệm của người phụ nữ, việc nhà không phải công việc phù hợp với nam giới. Giá trị lao động gia đình chủ yếu được coi trọng ở khía cạnh tâm lý tình cảm mà ít thừa nhận công việc này cũng tạo ra giá trị kinh tế. Chính vì vậy mối quan hệ giữa địa vị của người phụ nữ với công việc gia đình là không



thuận chiều, phụ nữ với trọng trách là người đảm nhiệm chính công việc gia đình nhưng địa vị kinh tế của họ không được thừa nhận và tính đến đây đủ. Trong khi các kết quả nghiên cứu ước lượng giá trị kinh tế công việc gia đình do phụ nữ đảm nhiệm đã chứng minh được các đóng góp về kinh tế từ công việc gia đình của phụ nữ. Điều đó cho thấy cộng đồng xã hội cần phải nhìn nhận lại giá trị của công việc gia đình.

Để đánh giá đầy đủ địa vị kinh tế - xã hội của phụ nữ trong gia đình thông qua công việc gia đình chúng ta cần hướng tới việc nâng cao nhận thức của người dân về công việc này bằng cách thay đổi các thông điệp hiện có về vai trò giới đối với công việc gia đình. Nhận thức đúng tầm quan trọng của công việc gia đình sẽ làm cho việc chia sẻ gánh nặng gia đình được bình đẳng hơn. Đồng thời cần có các nghiên cứu sâu hơn về hệ quả của gánh nặng công việc gia đình đối với phụ nữ, về giá trị kinh tế công việc gia đình trong mối quan hệ với địa vị kinh tế xã hội của phụ nữ để làm cơ sở đề xuất về chính sách lao động việc làm, tạo điều kiện để cho cả nam giới và phụ nữ vừa có cơ hội tham gia thị trường và hoàn thành tốt các công việc gia đình. ■

### Chú thích

- (1) Bài viết nằm trong khuôn khổ của Đề tài cấp Bộ “Đánh giá vai trò và địa vị kinh tế của phụ nữ qua công việc gia đình” năm 2015-2016 do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện.

### Tài liệu trích dẫn

- Đỗ Thị Bình. 2001. "Vài nét về giới và trở lực của bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay". *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 5/2001.
- Đỗ Thị Bình. 2004. "Mối quan hệ giữa vợ và chồng trong gia đình Việt Nam giai đoạn đổi mới". *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 2/2004.
- Hachiro Iwai. 2014. “Nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ và những tác động tới các giá trị và hoạt động của gia đình ở các nước châu Á: Một nghiên cứu so sánh dựa trên Điều tra EASS 2006 và Điều tra Gia đình Thái Lan và Việt Nam năm 2010”. In trong *Gia đình Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập từ cách tiếp cận so sánh*. Nguyễn Hữu Minh chủ biên. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Lê Thị Thục. 2013. “Nghiên cứu bình đẳng giới trong lãnh đạo chính trị ở Việt Nam: Một số phát hiện từ tổng quan có tính phê phán”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 4/2013 (Q23).
- Mai Huy Bích. 2004. “Người làm thuê việc nhà và những tác động của họ đến gia đình thời kỳ đổi mới kinh tế - xã hội”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 4/2004.
- Ngân hàng Thế giới. 2011. *Đánh giá Giới tại Việt Nam*. Tài liệu của Ngân hàng

Thế giới tại Việt Nam. Hà Nội.

- Nguyễn Kim Hà. 1999. “Về phân công lao động nam nữ như một công cụ phân tích giới”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 2/1999.
- Nguyễn Thanh Tâm. 1999. “Phân tích tương quan giới trong hộ gia đình tại xã Hoa Thám - Chí Linh - Hải Dương”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 4/1999.
- Nguyễn Thị Thúy, Bùi Phương Hoa. 2013. “Hoạt động lao động sản xuất trong gia đình của phụ nữ đang tham gia trong hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn (Nghiên cứu tại 4 xã của tỉnh Thanh Hóa)”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 2/2013 (Q23).
- Phạm Văn Hóa. 2014. “Người phụ nữ Cơ-ho trong đời sống gia đình hiện nay (Nghiên cứu trường hợp xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng)”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 3/2014 (Q24).
- Phùng Thị Kim Anh. 2008. Biến đổi mô hình phân công lao động nội trợ trong gia đình nông thôn. Trong *Gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong chuyển đổi (Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Hà Nam)*, Trịnh Duy Luân (chủ biên). Chương trình hợp tác nghiên cứu Việt Nam – Thụy Điển, Dự án VS-RDE-05.
- Teerawichitchaian, Bussarawan, John Knodel, Vu Manh Loi, Vu Tuan Huy. 2008. “The Gender division of household labor in Vietnam: Cohort Trends and Reagional Variations” *Journal of Comparative Family Studies*. Vol. XXXXI(1): 57-85.
- Trần Quý Long. 2008. “Lao động nội trợ của phụ nữ nông thôn và các yếu tố tác động (Nghiên cứu xã Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế)”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 6/2008 (Q18).
- Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh. 2008. Bình đẳng giới ở Việt Nam. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Trần Thị Vân Anh. 1996. “Nghề giúp việc gia đình”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 4/1996.
- Trung tâm nghiên cứu Phụ nữ. 2006. *Vai trò giới và lượng hóa giá trị lao động gia đình*. Trường cán bộ Phụ nữ Trung ương. Hà Nội.
- UNDP. 2012. *Sự tham gia của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam*.
- Viện nghiên cứu Phát triển xã hội. 2007. *Đóng góp kinh tế của phụ nữ thông qua công việc nhà, kết quả nghiên cứu xã hội học tại Hà Tây*.
- Vũ Mạnh Lợi, Trịnh Thị Quang, Nguyễn Hồng Thái, Nguyễn Khánh Bích Trâm, Đặng Vũ Hoa Thạch. 2013. “Phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 1/2013 (Q23).
- Vũ Mạnh Lợi. 2004. Phân công lao động trong gia đình. Trong sách *Xu hướng gia đình ngày nay*. Vũ Tuấn Huy (chủ biên). Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Vũ Tuấn Huy và Deborah S. Carr. 2000. “Phân công lao động nội trợ trong gia đình”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 4 (72).